TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2023/QĐST-DS	*B, ngày 12 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 99/2022/TLST-DSST ngày 29 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Q, sinh năm: 1971

Trú tại: Phố A, thị trấn C, huyện B, Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1982

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện B, Thanh Hóa

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất chị Lê Thị T vay và còn nợ bà Hoàng Thị Q số tiền 64.000.000đ. Nay hai bên thỏa thuận chị Lê Thị T phải có trách nhiệm trả số tiền 64.000.000đ (Sáu mươi bốn triệu đồng) cho bà Q vào ngày 20/02/2023, trong đó tiền gốc 56.000.000đ, lãi xuất 1,66%/tháng x 14 tháng (tính từ 22/10/2021 đến 22/12/2022) = 13.014.400đ – 5.000.000đ tiền lãi đã trả = 8.014.400đ (Làm tròn 8.000.000đ).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật bà Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chưa thi hành án, hàng tháng chị T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bên đương sự phải chịu 50% án phí. Hai bên thỏa thuận chị Lê Thị T phải chịu tiền toàn bộ án phí DSST là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), nhưng chị T thuộc hộ cận nghèo năm 2023, chị đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên chị T được miễn phần án phí của chị phải nộp là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) chị T phải nộp phần án phí nhận nộp cho bà Q là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng). Trả lại cho bà Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) bà đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2022/0001985 ngày 29/12/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn N